

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀI ÂN**

Bản án số: 75/2018/DS-ST

Ngày: 17/10/2018.

V/v tranh chấp: “Chia tài sản
chung”.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ÂN, TỈNH BÌNH ĐỊNH.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Tôi
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lâm và ông Trần Xuân Quang.
- *Thư ký phiên tòa:* Chị Võ Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định:* Bà Nguyễn Thị Thu Thảo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2018/QĐST-DS ngày 02/10/2018; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Vạn T, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Quốc T, sinh năm 1971; Nguyễn Thị O, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Vạn T, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Nguyễn Thị Thanh D, sinh năm 1974, anh Đinh Văn Đ, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn Tân S, xã Ân T, huyện Hoài Ân.

- Anh Phan Công V, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Chị H, anh T, chị O, chị D có mặt tại phiên tòa; anh Đ, anh V có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H trình bày: Giữa chị, chị O, chị D là 03 chị em gái; 3 gia đình vợ chồng của 3 chị em đã cùng thống nhất làm chung 03 cái rẫy, cụ thể: Rẫy Lầy ông Độ có diện tích khoảng 800m², rẫy Đàng Ngang diện

tích khoản 700 m² và 01 rẫy cùng ở Đàng Ngang có diện tích 13.050m² . Hai rẫy có diện tích nhỏ thì đã bán và chia cho 03 chị em xong, còn rẫy có diện tích 13.050m² thì anh T , chị O tự khai thác bán, nhưng không chia cho vợ chồng chị là H , V ; vợ chồng chị D , anh Đ . Do vậy chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng anh T chị O phải chia phần tài sản đã làm chung là giá trị cây keo trồng trên thửa đất có số thửa là 85, tờ bản đồ số 02, tiểu khu 67 có tục danh là đồng Đàng Ngang tại thôn Vạn T, xã T với số tiền là 120.000.000,đ.

Bị đơn Trần Quốc T, Nguyễn Thị O trình bày: Anh chị thống nhất về mối quan hệ của gia đình như chị H trình bày là đúng. Về vấn đề trồng cây keo trên đất có nguồn gốc cha mẹ của chị O và ba gia đình của ba chị em gái trồng cây keo chung trên 03 rẫy là có thật. Đến khi khai thác cây keo bán thì vợ chồng anh T chị O đã bán 02 rẫy có diện tích nhỏ hơn chia đều cho ba gia đình của ba chị em với số tiền mỗi gia đình nhận 02 lần là 20.700.000,đ. Còn 01 rẫy có tục danh là Đàng Ngang thì đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trồng rừng sản xuất cho vợ chồng anh T chị O với diện tích là 7737,5m² tại thửa đất số 85 tờ bản đồ số 2 tiểu khu 67 tại Vạn T, xã T (Diện tích đo đạc thực tế thì 13.050m²) thì vợ chồng anh T chị O tự khai thác bán được 94.000.000,đ trừ chi phí 34.000.000,đ, còn lại 60.000.000,đ anh T chị O đã yêu cầu vợ chồng chị D đến nhận 1/2 số tiền là 30.000.000,đ, nhưng vợ chồng chị D hèn nhưng không đến nhận tiền. Riêng về vợ chồng chị H anh V thì chị O anh T không chia số tiền bán rẫy keo này, bởi vì anh V nói không tham gia làm nữa và đã bỏ đi Cao nguyên làm ăn, không tham gia đủ ngày công phát chồi, chăm sóc. Nhưng nay vợ chồng chị H , anh V ; chị D anh Đ có yêu cầu chia tiền bán keo trên rẫy tại Đàng Ngang có diện tích 13.050m² thì anh T , chị O chấp nhận chia cho vợ chồng chị D , anh Đ ; không thống nhất chia cho chị H anh V và chia với số tiền bán cây keo đã chi phí còn lại là 60.000.000,đ.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đinh Văn Đ , chị Nguyễn Thị Thanh D , anh Phan Công V trình bày: Các anh chị đều nhất trí với yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hồng H như trên; các anh chị không nhất trí với việc anh T chị O đề nghị tính ngày công, vì giữa ba gia đình chị em đã thống nhất với nhau từ lúc bắt đầu trồng keo và thực tế đã bán 02 rẫy đã chia giá trị bằng nhau; do vậy chị D , anh Đ , anh V đều có yêu cầu chia 03 số tiền bán rẫy keo là 120.000.000,đ mới phù hợp với giá trị cây keo do anh T chị O đã tự ý khai thác bán.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Ân phát biểu và đề nghị:

+ **Về tố tụng:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vẫn còn vi phạm, cần rút kinh nghiệm.

+ **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

{1} Chị Nguyễn Thị Hồng H khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung do anh T , chị O khai thác cây keo cùng làm chung bán nhưng không chia tiền cho vợ chồng chị H , anh V ; đây là tranh chấp về tài sản chung chung được qui định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Trần Quốc T , Nguyễn Thị O cư trú tại xã T , huyện Hoài Ân; căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân.

{2} Ba gia đình của ba chị em gái của chị H là vợ chồng anh T , chị O ; vợ chồng anh Đ , chị D và vợ chồng anh Vở chị H cùng thống nhất trồng cây keo nguyên liệu giấy chung với nhau trên diện tích đất của 03 rẫy có nguồn gốc của cha mẹ và anh trai của chị O , chị D , chị H . Vào thời gian năm 2011 bắt đầu trồng cây keo, đến năm 2016 thì chị O , anh T đã bán cây keo của 02 rẫy và đã chia đều cho 03 anh chị em xong. Đến đầu năm 2017 thì anh T chị O tự ý khai thác 01 rẫy keo thứ 3 có diện tích lớn hơn và số lượng cây keo trồng là khoảng 5000 cây bán, không có sự bàn bạc thống nhất của vợ chồng anh Đ , chị D và chị H , anh V . Sau khi bán cây keo cũng không chia tiền cho vợ chồng của chị H , chị D . Do vậy đã làm phát sinh tranh chấp về tài sản chung và giá trị của tài sản chung; lúc đầu nguyên đơn yêu cầu chia giá trị rẫy keo là 120.000.000,đ, nhưng tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu chia giá trị bán rẫy keo là 90.000.000,đ còn bị chấp nhận chia 2 với số tiền 60.000.000,đ và phải tính ngày công tham gia của mỗi bên.

{3} Xét yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, bởi vì, vào năm 2011 ba gia đình của ba chị em gái đã thống nhất trồng keo chung trên đất rẫy có nguồn gốc do cha mẹ chị H , chị O , chị D khai hoang, đến năm 2016 thì đã khai thác 02 cái rẫy có diện tích hẹp, số lượng cây keo trồng ít hơn và đã bán chia đều cho 03 gia đình số tiền ngang nhau; đến năm 2017 vợ chồng anh T , chị O đã tự ý bán không bàn bạc với hai vợ chồng chị D , chị H , đồng thời không chấp nhận chia tiền cho vợ chồng chị H , anh V là trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội.

{3.1} Xét về giá trị trên đất, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vào đầu năm 2017 vợ chồng anh T , chị O đã thống nhất bán cho anh Nguyễn Văn M ở cùng địa phương 01 cái rẫy keo tại đồng Đàng ngang tại thôn Vạn T , xã Ân T với giá là 90.000.000,đ, anh M đã đặt cọc cho anh T , chị O 10.000.000,đ; sau khi anh M mở đường khai thác cây keo thì chị H đến nhà anh ngăn cản, nên anh M không mua và đã nhận lại tiền đặt cọc do chị O , anh T trả lại. Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia giá trị bán rẫy keo với số tiền 90.000.000,đ, nên cần buộc anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị O phải chia tài sản chung cho chị Nguyễn Thị Hồng H với số tiền 30.000.000,đ; chia cho chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn Đ số tiền 30.000.000,đ là giá trị cây keo trồng chung trên thửa đất rẫy tại đồng Đàng Ngang thuộc thôn Vạn T , xã T là phù hợp với quy định tại các Điều 208, 209, 216, 217, 218, 219 Bộ luật dân sự.

{4} Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan phải nộp theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

{5} Lệ phí chi phí cho việc Thẩm định tài sản chờ xét xử 2.000.000,đ; chi phí đo đạc diện tích đất rẫy 2.841.068,đ, tổng cộng 4.841.069,đ chị H đã nộp tạm ứng trước anh T chị O , chị D , anh Đ phải trả lại cho chị H 1.614.000,đ.

- Ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa hôm nay về nội dung vụ án là phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

Căn cứ vào các Điều 208, 209, 216, 217, 218, 219 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng H .

- Buộc anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị O phải giao chia cho chị Nguyễn Thị Hồng H số tiền 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng); giao chia cho chị Nguyễn Thị D , anh Đình Văn Đ số tiền 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án bên phải Thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí sơ thẩm dân sự:

Án phí sơ thẩm dân sự phải nộp là: 4.500.000,đ; bị đơn Anh Nguyễn Quốc T và chị Nguyễn Thị O phải nộp.

Chị Nguyễn Thị Hồng H được nhận lại 300.000,đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007488 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Chị Nguyễn Thị Thanh D được nhận lại 1.000.000,đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0007796 ngày 15/10/2018 của Chi cục Thi hành án huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

Chi phí, đo đạc, thẩm định, định giá tài sản chờ xét xử 4.841.069,đ, chị H tạm ứng trước; anh T chị O phải trả lại cho chị Hương 1.614.000,đ; chị D , anh phải trả lại cho chị Hương 1.614.000,đ.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa hôm nay được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Huyện Hoài Ân;
- Chi cục THADS Hoài Ân;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Tôi

